

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 20/01/2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình;
Ông Hoàng Đức Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1991; (có mặt)
Địa chỉ: 387/7, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
- 2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1985; (có mặt)
Địa chỉ: 387/7, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H kết hôn với ông Nguyễn Kim T vào năm 2015, hôn nhân giữa hai bên là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyền số 01/2015, ngày 23/12/2015.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng đến tháng 4/2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên do là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Từ tháng 5/2018 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau, bà đã ra bên ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Nay tình cảm vợ chồng đã

không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T. Việc ông T cho rằng bà có quan hệ với người đàn ông khác là không đúng sự thật, ông T không có bằng chứng gì về việc này, lời ông T nói là xúc phạm bà.

Về con chung: Có 01 cháu tên là Nguyễn Kim Đ, sinh ngày 15/9/2015. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu Đạt cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, vì cháu đang sống cùng ông T, tạm thời bà không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

** Bị đơn ông Nguyễn Kim T trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông T kết hôn với bà Nguyễn Thị Hồng H vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn như bà H trình bày là đúng.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên do là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Cả hai đã không còn sống chung từ đầu năm 2020 cho đến nay. Bà H thuê nhà trọ ở xã T sinh sống, còn ông và con trai là cháu Nguyễn Kim Đạt sống cùng nhau tại nhà ở của gia đình ông. Thỉnh thoảng ông có ghé sang phòng trọ bà H kêu quay về chung sống nhưng bà H không đồng ý. Nay bà H khởi kiện ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn. Lý do là ông phát hiện bà H cặp với người đàn ông khác, ông xác định việc này là có thật nhưng không có bằng chứng, mà chỉ nghe hàng xóm và con trai kể lại thôi. Khi nào ông nói chuyện phải trái với người đàn ông kia, thì ông mới đồng ý ly hôn với bà H. Tại phiên tòa hôm nay, ông cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác liên quan đến việc bà H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác.

Về con chung: Có 01 cháu tên là Nguyễn Kim Đ, sinh ngày 15/9/2015. Nếu bà H cương quyết ly hôn, thì ông có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng H, cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Kim T; giao con chung Nguyễn Kim Đ, sinh ngày 15/9/2015 cho ông T nuôi dưỡng, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng cho con do ông T không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung các đương sự khai không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Nguyễn Kim T, nơi cư trú

tại nhà số 387/7, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Kim T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyền số 01/2015, ngày 23/12/2015; căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà H và ông T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các công việc trong gia đình; tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng bà H, ông T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn hợp nhau về tính tình. Từ cuối năm 2020 cho đến nay hai người đã sống ly thân, bà H thuê nhà trọ ở xã T sinh sống, còn ông T và con trai là cháu Nguyễn Kim Đ sống cùng nhau tại nhà ở của gia đình ông T. Thỉnh thoảng ông có sang phòng trọ bà H kêu quay về chung sống nhưng bà H không đồng ý, nên không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự hàn gắn, nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, còn ông T lại cho rằng chỉ đồng ý ly hôn khi nói chuyện phải trái với người đàn ông mà bà H quen biết, nhưng việc bà H quen biết với người đàn ông khác thì ông cũng không có chứng cứ chứng minh cung cấp cho Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giữa bà H và ông T có 01 con chung là Nguyễn Kim Đ, sinh ngày 15/9/2015. Khi ly hôn, bà H đồng ý giao cháu Đ cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng cho con. Do vậy căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con do ông T không yêu cầu, nên tạm thời bà H không phải cấp dưỡng; vì không trực tiếp nuôi con nên bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T đều khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với ông Nguyễn Kim T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim Đ, sinh ngày 15/9/2015 cho ông Nguyễn Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời bà Nguyễn Thị Hồng H không phải cấp dưỡng cho con.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003870 ngày 07/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 67, ngày 23/12/2015);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Anh Sơn